

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

a) Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là tiền công cụ thể cho từng chức danh thực hiện các nhiệm vụ thi quy định tại khoản 4, khoản 8, khoản 9,

khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (sau đây viết tắt là *Thông tư số 69/2021/TT-BTC*), áp dụng đối với các kỳ thi: tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh đầu cấp; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường.

b) Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại khoản 4, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và điểm a Khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC

1. Mức tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi: tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh sinh các lớp đầu cấp trung học phổ thông; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi: tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở; chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện/thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); chọn đội tuyển cấp huyện dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh: Áp dụng tương ứng bằng 80% mức chi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, gồm: hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; cuộc thi khoa học, kỹ thuật; cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; hội thi các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; hội thi giáo viên làm cán bộ đoàn, tổng phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh giỏi; kỳ thi nghề phổ thông; kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này do Phòng Giáo dục và Đào tạo

chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng tối đa bằng 80% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Nội dung và mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này do cấp trường chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng tối đa bằng 60% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 4. Quy định về nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi được quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết này; trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ thứ 7, Chủ nhật định mức được tính bằng 150% mức chi theo quy định. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VBQPPL*);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

- Báo Quảng Trị;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

Phụ lục I**MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI***(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Các chức danh của Hội đồng/Ban ra đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450	
1.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an bảo vệ vòng trong	Đồng/người/ngày	400	
1.4	Phục vụ, y tế, công an bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	250	
2	Các chức danh của Hội đồng/Ban in sao đề thi			
2.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500	
2.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450	
2.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	400	
2.4	Công an bảo vệ vòng trong	Đồng/người/ngày	300	
2.5	Phục vụ, y tế, công an bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	250	
2.6	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Đồng/người/ngày	400	
3	Các chức danh của Ban Chỉ đạo thi			
3.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500	
3.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450	
3.3	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	400	
3.4	Phục vụ	Đồng/người/ngày	250	
4	Các chức danh của Hội đồng thi			
4.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	500	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
4.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	450	
4.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	400	
5	Các chức danh của Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500	
5.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450	
5.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	400	
6	Các chức danh của Hội đồng/Ban Coi thi			
6.1	Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	500	
6.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm thi	Đồng/người/ngày	450	
6.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, cán bộ coi thi	Đồng/người/ngày	400	
6.4	Phục vụ, y tế, công an bảo vệ	Đồng/người/ngày	250	
7	Các chức danh của Hội đồng/Ban/Tổ làm phách			
7.1	Chủ tịch/Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ngày	500	
7.2	Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ngày	450	
7.3	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	400	
7.4	Công an bảo vệ vòng trong	Đồng/người/ngày	300	
7.5	Phục vụ, y tế, công an bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	250	
8	Các chức danh của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi tự luận, trắc nghiệm; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
8.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	500	
8.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450	
8.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	400	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
8.4	Phục vụ, y tế, công an bảo vệ	Đồng/người/ngày	250	
8.5	Tổ trưởng chấm thi	Đồng/người/đợt chấm thi	300	
8.6	Tổ phó chấm thi	Đồng/người/đợt chấm thi	250	
9	Các chức danh của Đoàn thanh tra, kiểm tra			
9.1	Trưởng đoàn	Đồng/người/ngày	500	
9.2	Phó Trưởng đoàn	Đồng/người/ngày	450	
9.3	Thanh tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	450	
9.4	Thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra	Đồng/người/ngày	400	
10	Chi tiền công ra đề thi			
10.1	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	500	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	400	
10.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	700	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	1.000	
10.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm đối với đề thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn vào đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (áp dụng trong những ngày ra đề)			
	- Đề thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	600	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	700	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	800	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Đề thi thực hành kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	800	
	- Đề thi nói gồm 10 chủ đề	Đồng/người/ngày	600	
11	Chi tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	500	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	400	
11.2	Soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	55	
11.3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45	
11.4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	35	
11.5	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	20	
11.6	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	8	
11.7	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	500	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	400	
12	Chi tiền công chấm bài thi¹			
12.1	Chấm bài thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	500	
12.2	Chấm bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	450	
12.3	Chấm bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	400	
12.4	Chấm bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	400	

¹ Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:

- Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ cấp tỉnh và chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp huyện: Tối đa 20 bài/người/ngày;
- Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh đầu cấp: Tối đa 30 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
13	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi, chấm thẩm định			
13.1	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi			
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	500	
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	450	
	- Chấm phúc khảo bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	400	
	- Chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	400	
13.2	Chi tiền công chấm thẩm định bài thi			
	- Chấm thẩm định bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	500	
	- Chấm thẩm định bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	450	
	- Chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	400	
	- Chấm thẩm định bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	400	

Phụ lục II
NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI
THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
I	MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH TRONG CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO DO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)			
1	Nội dung, mức chi			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh của Ban tổ chức, Ban coi thi, chấm thi			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	350	
	- Thành viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	300	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200	
b	Mức chi tiền công cho công tác chấm thi			
	- Định mức chấm thi (dự giờ 1 tiết)	Đồng/người/tiết	150	
	- Chấm sản phẩm dự thi	Đồng/người/sản phẩm	150	
	- Chấm bài kiểm tra năng lực giáo viên, bài soạn giáo án, đề tài sáng kiến	Đồng/người/bài soạn	150	
c	Mức chi tiền công cho Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm	Đồng/người/đợt	250	
d	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm.	<i>Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao</i>		
2	Nội dung chi và mức chi cho các kỳ thi: Nghề phổ thông, cấp chứng chỉ			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh của Hội đồng			
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	400	
	- Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	350	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	300	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
b	Mức chi tiền công cho các chức danh của Ban Ra đề, In sao đề thi, Coi thi, Chấm thi, làm phách. Phúc khảo bài thi... thuộc Hội đồng thi			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	350	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, giám sát	Đồng/người/ngày	300	
	- Phục vụ, y tế, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200	
c	Mức chi tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm			
	- Đề thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	500	
	- Đề thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	450	
d	Mức chi tiền công chấm bài²			
	- Chấm bài thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	350	
	- Chấm bài thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	300	
đ	Mức chi tiền công tổ trưởng chấm thi	Đồng/người/đợt	250	
II	CHI TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	400	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	300	
2	Chi soạn thảo câu hỏi thô.	Đồng/câu	45	
3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi.	Đồng/câu	35	
4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm.	Đồng/câu	25	
5	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	15	
6	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa (được quản lý trên phần mềm máy tính)	Đồng/câu	6	
7	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Đồng/báo cáo/ đề thi	400	
8	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	400	

² Định mức chấm bài thi theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi: Tối đa 50 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	300	
III	CHI TIỀN CÔNG THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHI THI			
1	Chi tiền công thanh tra			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	400	
	- Phó Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	350	
	- Thanh tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	350	
	- Thành viên đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	300	
2	Chi tiền công kiểm tra			
	- Trưởng đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	400	
	- Phó Trưởng đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	350	
	- Thành viên đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	300	
IV	HỖ TRỢ TIỀN AN CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG KHU VỰC CÁCH LY, BẢO VỆ BÀI THI, ĐỀ THI (Áp dụng cho tất cả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo)			
	- Trong những ngày thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách bài thi	Đồng/người/ngày	360	
	- Trong thời gian còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi)	Đồng/người/ngày	240	
V	CÁC KHOẢN CHI PHÍ THEO THỰC TẾ ĐỂ CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO	<i>Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng nguồn kinh phí và phạm vi dự toán được giao.</i>		